

Họ và tên: Lớp: Số:

Đề Thi Học Kỳ 1

Môn: Tiếng Việt (วิชา: ภาษาเวียดนาม)

Thời gian: 1 tiếng (เวลา: 1 ชม.)

Điền đối thoại sau sao cho hoàn chỉnh 1-5: เติมคำศัพท์จากข้อ 1-5

B: Anh muốn(1)..... gì ạ?

M: Tôi muốn mua chuối.

Một cân chuối giá(2).....?

B: Một cân chuối(3)..... chín nghìn đồng.

M:(4).....! Bớt được không?

B: Không(5)..... ạ.

M: Không sao.

Cho tôi một(6)..... chuối.

1. Anh muốn(1)..... gì ạ?

a. bán b. mua c. bớt d. được

2. Một cân chuối giá(2).....?

a. bao nhiêu b. mấy c. gì d. không

3. Một cân chuối(3)..... chín nghìn đồng.

a. đắt b. mua c. bớt d. giá

4.(4).....! Bớt được không?

a. Rẻ quá ! b. Đắt quá ! c. Đẹp quá ! d. To quá !

5. Không(5)..... ạ.

a. đắt b. rẻ c. bớt d. được

6. Cho tôi một(6)..... chuối.

a. đắt b. rẻ c. giá d. cân

7. คุณต้องการจะซื้ออะไร แปลว่า

a. Bạn thích ăn gì ? c. Bạn thích táo không ?

b. Bạn cần gì ? d. Bạn muốn mua gì ?

8. ภาคเหนือมีกี่ฤดู

- a.3 b.4 c.1 d.. 2

9. สกุลเงินของประเทศเวียดนามคือ *

- a.ก๊ีบ b.จ๊าด c.ด่ง d. บาท

10 .Tôi muốn thử cái áo này là :

- a.ฉันชอบเสื้อตัวนี้ b.ฉันอยากซื้อเสื้อตัวนี้
c.ฉันอยากลองตัวนี้ d.ฉันว่าเสื้อตัวนี้แพงเกินไป

11.ลดได้ไหม แปลว่า

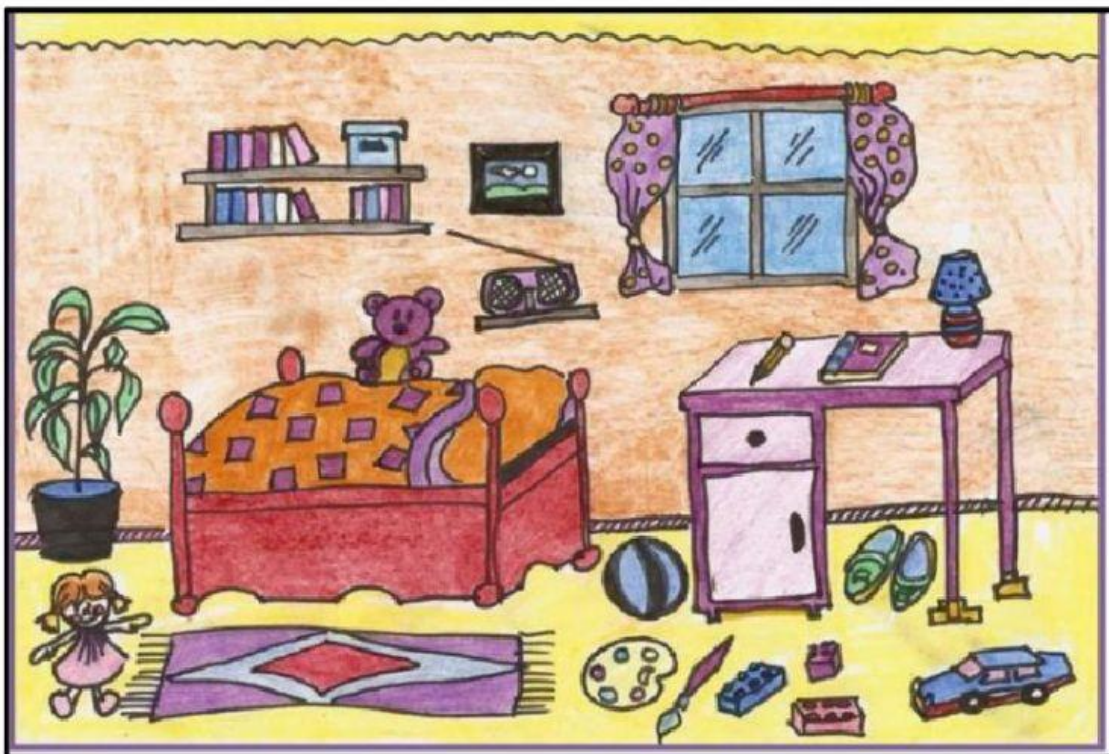
- a. Bớt được không ? b. Bán được không ?
c. Đúng giá không ? d. Thử được không ?

12. แพงเกินไป แปลว่า

- a. Rẻ quá. b. Đắt quá. c. Đẹp quá. d. To quá.

Chọn câu trả lời “Đúng” và “Sai” 13-30:

อ่านประโยคและตอบ “Đúng” và “Sai” ข้อที่ 13-30 : “Đúng” =ถูก và “Sai”= ผิด



13. Đài phát thanh ở bên trái cái kệ.

Đúng

Sai

14. Quả bóng ở bên phải cái bàn và cái giường.

Đúng

Sai

15. Đôi giày ở dưới bàn làm việc.

Đúng

Sai

16. Tấm thảm ở trước cái giường.

Đúng

Sai

17. Cái đèn ở dưới bàn làm việc.

Đúng

Sai

18. Quyển sách ở giữa cái bút chì và cái đèn.

Đúng

Sai

19. Cái đèn ở bên cạnh quyển sách.

Đúng

Sai

20. Cái bút chì nằm ở bên trái quyển sách.

Đúng

Sai

21. Bức ảnh được đặt ở trên tường nhà.

Đúng

Sai

22. Tấm thảm ở giữa búp bê và bảng màu.

Đúng

Sai

23. Cọ vẽ ở bên phải bảng màu.

Đúng

Sai

24. Con gấu bông ở đằng sau cái giường.

Đúng

Sai

25. Những quyển sách ở trên cái kệ.

Đúng

Sai

26. Cái bút chì, cái đèn, quyển sách nằm ở trên bàn làm việc.

Đúng

Sai

27. Cửa sổ ở trên tường.

Đúng

Sai

28. Chiếc xe ở bên cạnh cái bàn.

Đúng

Sai

29. Cái cây ở bên phải cái giường.

Đúng

Sai

30. Cái đèn ở bên cạnh cửa sổ.

Đúng

Sai

Tự luận:

1. Chọn từ thích hợp: เลือกคำตอบที่ถูกต้อง



2. Nói câu: โยงภาพและประโยคให้ถูกต้อง

a.



☐ Con mèo ở trên bàn.

b.



☐ Con mèo ở trên xe.

c.



☐ Con mèo ở dưới xe.

d.



☐ Con mèo ở trong xe.

e.



☐ Con mèo ở dưới bàn.